

SỞ LAO ĐỘNG TB&XH HÀ TỈNH
TRUNG TÂM CÔNG TÁC XÃ HỘI -
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CHO
NGƯỜI KHUYẾT TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 12 năm 2024

Số: 56/QĐ-TTCTXH

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán các gói thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình: Bảo dưỡng cơ sở vật chất Trung tâm Công tác xã hội - Giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật

Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2014 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp một số nội dung về công tác thẩm định, tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Văn bản số 7599/UBND- ngày 11/12/2024 của UBND tỉnh về việc chủ trương, nguồn kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công (phụ lục 01, mục 1.1);

Xét đề nghị của Phòng Tổ chức - Hành chính về việc phê duyệt hồ sơ Đề cương nhiệm vụ và dự toán lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, dự toán chuẩn bị đầu tư do Công ty TNHH Dũng Quang lập tháng 12/2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán các gói thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình: Bảo dưỡng cơ sở vật chất Trung tâm Công tác xã hội - Giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật với các nội dung sau:

1. Đề cương nhiệm vụ các gói thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

1.1. Nội dung dự án:

- Tên công trình: Bảo dưỡng cơ sở vật chất Trung tâm Công tác xã hội - Giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật.

- Chủ đầu tư: Trung tâm Công tác xã hội - Giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật.

- Tổ chức lập đề cương nhiệm vụ và dự toán: Công ty TNHH Dũng Quang.

- Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo cơ sở vật chất, chống xuống cấp cho công trình, đảm bảo cơ sở vật chất, phục vụ tốt cho việc sinh hoạt, học tập, giảng dạy của cán bộ, học viên của Trung tâm Công tác xã hội - Giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật.

Quy mô: Công trình Bảo dưỡng cơ sở vật chất Trung tâm Công tác xã hội - Giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật lần này thực hiện sửa chữa nhà nội trú 2 tầng và sửa chữa sân nội bộ tại các vị trí nứt vỡ.

- Nhà nội trú 02 tầng: sửa chữa hệ thống mái, chống thấm sê nô mái; cạo bỏ, gia trát, sơn sửa lại trong và ngoài nhà; sửa chữa khu vệ sinh, thiết bị vệ sinh; sửa chữa hệ thống điện và hệ thống cửa các phòng ở khu nội trú.

- Sửa chữa sân nội bộ tại các vị trí bị nứt vỡ, sụt lún.

- Địa điểm xây dựng: Số 146 đường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Loại, cấp công trình: Công trình xây dựng dân dụng, cấp III, nhóm C.

- Tổng mức đầu tư dự kiến: **3.500.000.000 đồng**.

1.2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu được áp dụng.

Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác áp dụng cho công lập hồ sơ thiết kế BVTC công trình.

1.3. Nội dung và nhiệm vụ tư vấn:

- Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật

- Tư vấn quản lý dự án

- Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật

- Tư vấn thẩm định HSMT, kết quả LCNT gói thầu tư vấn lập BCKTKT

- Tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán:

2. Dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư: **287.296.000 đồng** (Hai trăm tám mươi bảy triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn đồng./.).

Bao gồm:

Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật:

161.767.000 đồng

Tư vấn quản lý dự án:

95.804.000 đồng

Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật:

6.022.000 đồng

Tư vấn thẩm định HSMT, kết quả LCNT gói thầu tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật:

5.400.000 đồng

Tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán:

18.303.000 đồng

(có Hồ sơ đề cương nhiệm vụ và dự toán chuẩn bị đầu tư kèm theo)

3. Nguồn vốn: Từ nguồn dự kiến chi các nhiệm vụ của tỉnh từ thu chuyển nguồn năm trước tại Mục XVI Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 3355/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh;

Điều 2. Giao Phòng Tổ chức - Hành chính theo chức năng nhiệm vụ triển khai các bước tiếp theo đảm bảo tiến độ, đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính, các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Thái Ngọc Lâm

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH: Bảo dưỡng cơ sở vật chất Trung tâm Công tác xã hội - Giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật

ĐỊA ĐIỂM: TP HÀ TĨNH - TỈNH HÀ TĨNH



STT	CHỈ PHÍ XÂY DỰNG NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	CHI PHÍ SAU THUẾ	CHI CHÚ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd		2,780,146,874	278,014,687	3,058,162,000	
1	Nhà học A3, A4, A5	G ₁	Theo dự toán chi tiết	2,780,146,874	278,014,687	3,058,161,561	
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlda	(Gxd+Gtb)* 3.446%	95,803,861	0	95,804,000	TT12/2021/TT-BXD
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XD	Gtv	TV+...+TV ₈	287,027,511	12,817,980	299,845,000	
1	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	TV ₄	Gxd* 5.388%	149,784,711	11,982,777	161,767,488	TT12/2021/TT-BXD
2	Chi phí thẩm tra Báo cáo KTKT phần bản vẽ	TV ₂	1.2*Gxd* 0.2580%	8,607,335	688,587	9,295,922	TT12/2021/TT-BXD
3	Chi phí thẩm tra Báo cáo KTKT phần dự toán	TV ₃	1.2*Gxd* 0.2500%	8,340,441	667,235	9,007,676	TT12/2021/TT-BXD
4	Chi phí lập hồ sơ môi trường và đánh giá hồ sơ dự thầu xây dựng	TV ₄	TV _{4.1} +TV _{4.2} +TV _{4.3} +TV _{4.4}	17,587,053	1,406,964	18,994,018	
4.1	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói tư vấn thiết kế	TV _{4.1}	(kèm theo dự toán)	5,576,819	446,146	6,022,964	TT12/2021/TT-BXD
4.2	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây lắp	TV _{4.2}	Gxd* 0.4320%	12,010,234	960,819	12,971,053	TT12/2021/TT-BXD
5	Chi phí thẩm định hồ sơ môi trường	TV ₅	TV _{5.1} +TV _{5.2} +TV _{5.3} +TV _{5.4}	4,780,147	382,412	5,162,559	
5.1	Chi phí thẩm định hồ sơ môi trường xây dựng	TV _{5.1}	Gxd* 0.10%	2,780,147	222,412	3,002,559	NB24/2014/NB-CP
5.2	Chi phí thẩm định hồ sơ môi trường gói thầu thiết kế	TV _{5.2}	(Tối thiểu)	2,000,000	160,000	2,160,000	NB24/2014/NB-CP
6	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	TV ₆	TV _{6.1} +TV _{6.2} +TV _{6.3} +TV _{6.4}	6,000,000	480,000	6,480,000	
6.1	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng	TV _{6.1}	Gxd* 0.10%	3,000,000	240,000	3,240,000	NB24/2014/NB-CP
6.2	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thiết kế	TV _{6.2}	(Tối thiểu)	3,000,000	240,000	3,240,000	NB24/2014/NB-CP
7	Chi phí đăng tải thông tin đầu thầu (thông báo mời thầu xây lắp, thiết kế, giám sát)	TV ₇	4 Gói *300,000	600,000	60,000	660,000	TT07/2015/TT-LT-BKHDT-BTC
8	Chi phí giám sát thi công xây dựng	TV ₈	Gxd* 3.285%	91,327,825	9,132,782	100,460,607	TT12/2021/TT-BXD
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk	K ₁ +...+K ₄	30,506,617	1,022,412	31,529,000	
1	Chi phí bảo hiểm công trình xây dựng	K ₁	Gxd* 0.08%	2,224,117	222,412	2,446,529	NB67/2023/NB-CP
2	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật	K ₂	50%*TMĐT* 0.019%	332,500		332,500	Y128/2023/TT-BTC&TT43/2024/TT-BTC
3	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	K ₃	TMĐT* 0.57%	19,950,000		19,950,000	NB99/2021/NB-CP
4	Chi phí thẩm định giá	K ₄	(HS TĐG)	8,000,000	800,000	8,800,000	
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Gdp	(Gxd+Gtb+Gqlda+Gk)* 0.42%			14,660,000	
	TỔNG		(I+II+...+V)			3,500,000,000	
	LÀM TRÒN	Gtmdt				3,500,000,000	

(Bảng chữ: Ba tỷ năm trăm nghìn đồng chẵn./)